

A. PHẠM VI:

1. VB: *Chiếu dời đô*

2. Tiếng Việt: *Câu trần thuật, câu phủ định*

3. Tập làm văn: *Chương trình điạ phương phân TLV*

B. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Chiếu dời đô:

Tác giả

- Lí Công Uẩn (974-1028) tức Lí Thái Tổ
- Quê quán: Là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công
 - + Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ
 - + Khi Lê Ngọa mất ông được tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên.
- **Phong cách sáng tác:** Sáng tác của ông chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao có ảnh hưởng đến vận nước

Hoàn cảnh sáng tác

Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại Việt thành Đại Cồ Việt. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi quyết định cho nhân dân được biết

Thể loại

Chiếu:

- Do Vua viết, dùng ban bố mệnh lệnh.
- Thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, ảnh hưởng đến vận mệnh của cả triều đại, đất nước.
- Viết bằng văn, văn xuôi, hoặc văn biền ngẫu

Phương thức biểu đạt chính

Nghị luận kết hợp với tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Bố cục

- Phần 1: Từ “Xưa nhà Thương” đến “không thể không dời đô”: Đưa ra những lí do, cơ sở của việc dời đô.
- Phần 2: “Huống gì” đến “muôn đời”: Những lí do chọn Đại La làm kinh đô
- Phần 3: Còn lại: Thông báo quyết định dời đô

Giá trị nội dung

Bài Chiếu phản ánh khát vọng của nhân dân về một dân tộc độc lập thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt trên đà lớn mạnh.

Giá trị nghệ thuật

- Chiếu dời đô là áng văn chính luận đặc sắc viết theo lối biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng
- Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng.

- Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục.
- Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí.

2. Tiếng Việt

a. Câu trần thuật:

* Đặc điểm hình thức

- Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.
- Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán

- Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng **dấu chấm (.)**
- Đôi khi nó được kết thúc bằng **dấu chấm than (!)** hoặc **dấu chấm lửng (...)**

* Chức năng:

- Chức năng chính dùng để **kể, thông báo, nhận định, miêu tả...**
- Ngoài ra còn dùng để **yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...**(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)

b. Câu phủ định:

* Đặc điểm hình thức

- Có các từ phủ định: **không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)....**

* Chức năng, phân loại:

a. Câu phủ định miêu tả

- Hôm nay, tôi **không** đi học.
- Tôi **chưa** nấu cơm.

b. Câu phủ định bác bỏ

- Không phải cô Nga bị gãy chân.
- Chẳng phải hôm qua cậu đặt nó ở đây mà.

C. PHIẾU BÀI TẬP:

Phần I. Trắc nghiệm:

Câu 1. *Chiếu dời đô* được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Thuyết minh D. Nghị luận

Câu 2. *Chiếu dời đô* được sáng tác năm nào?

A. 958

B. 1010

C. 1789

D. 1858

Câu 3. Đáp án nào nói đúng nhất nội dung của văn bản *Chiếu dời đô*?

A. Phản ánh khát vọng và ý chí tự lực tự cường của dân tộc ta.

B. Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn và ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của dân tộc ta.

C. Có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc .

D. Thể hiện khát vọng độc lập, tự do của dân tộc.

Câu 4. Ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu?

A. Kêu gọi cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.

B. Miêu tả phong cảnh, kể sự việc.

C. Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

D. Giải bày tình cảm của người viết.

Câu 5. Câu nào dưới đây diễn tả đúng nghĩa của từ “*thắng địa*” trong *Chiếu dời đô*?

A. Là nơi núi non hiểm trở.

B. Là nơi có phong cảnh và địa thế đẹp.

C. Là nơi cao ráo, thoáng mát.

D. Là nơi có sông ngòi bao quanh.

Câu 6. Đáp án nào không nêu đúng cơ sở dẫn tới quyết định dời đô của vua Lí Công Uẩn?

A. Nhà Thương, Chu nhiều lần dời đô nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.

B. Nhà Đinh, Lê đóng yên đô thành ở Hoa Lư nên triều đại không lâu bền, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi.

C. Dời đô là để vâng mệnh trời, hợp ý dân; mưu toan nghiệp lớn; tính kế lâu dài.

D. Do ý thích và mong muốn của vua Lí Công Uẩn.

Câu 7. Câu “*Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi*” thuộc kiểu câu nào nếu xét theo mục đích nói?

A. Câu nghi vấn

C. Câu cảm thán

B. Câu trần thuật

D. Câu phủ định

Câu 8. Đáp án nào nêu chưa chính xác lí do vua Lí Công Uẩn chọn thành Đại La làm nơi định đô?

- A. Là kinh đô cũ của Cao Vương
- B. Có vị trí trung tâm, là nơi thắng địa
- C. Thuận lợi cho sự phát triển về quân sự và kinh tế
- D. Khí hậu ôn hòa, muôn vật phong phú, tốt tươi

Câu 9: Câu văn nào trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của Lí Công Uẩn khi quyết định phải dời đô?

- A. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mình mà tự ý chuyên dời?
- B. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.
- C. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.
- D. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

Câu 10: Đáp án nào nêu chưa đúng đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Chiếu dời đô*?

- A. Bố cục chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo
- B. Câu văn biến ngẫu, cân xứng, nhịp nhàng
- C. Kết hợp hài hòa giữa lí và tình
- D. Các biện pháp nghệ thuật phong phú, đặc sắc

Phần II: Tự luận.

Bài 1: Xác định chức năng của những câu trần thuật dưới đây:

Câu trần thuật	Chức năng
a. Mỗi câu “Chối này”, chị Cốc lại giáng một mả xuống. (1) Mả Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. (2) (Tô Hoài)	(1) (2)
b. Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. (1) Trên trời thì xanh, dưới nước thì xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. (2) (Đoàn Giỏi)	(1) (2)
c. Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. (Tạ Duy Anh)
d. Những động tác thả sào, rút sào rập ràng, nhanh như cắt. (Võ Quảng)
e. Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. (A. Đô – đê)

Bài 2: Xác định câu phủ định miêu tả và câu phủ định bác bỏ trong các ví dụ dưới đây:

Câu phủ định	Kiểu phủ định
--------------	---------------

a. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. (Thanh Tịnh)
b. Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sâu (Vũ Đình Liên)
c. Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đây, ông giáo ạ! (Nam Cao)
d. Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì. (Sọ Dừa)
e. Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. (Nguyễn Hồng)

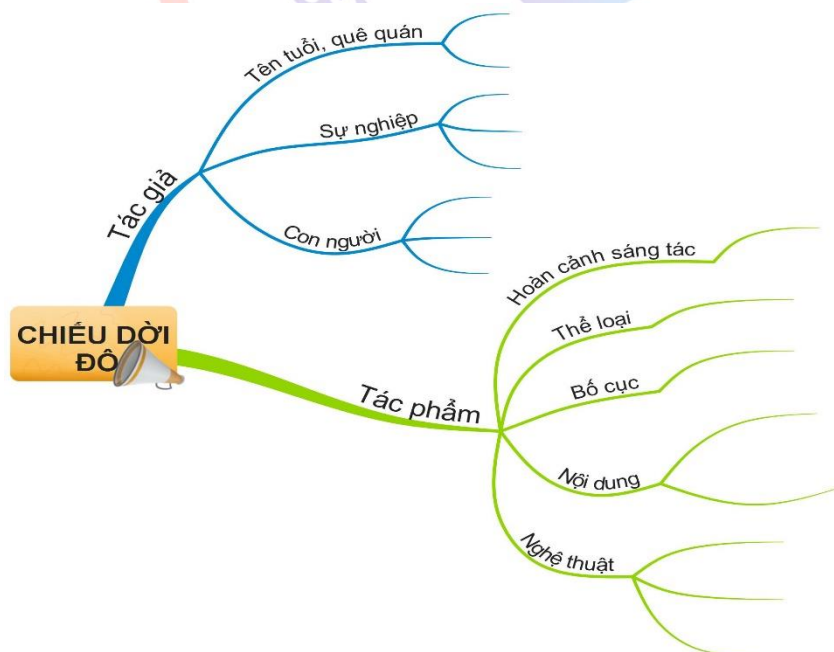
Bài 3: Các câu sau có ý phủ định không? Là kiểu phủ định nào? Hãy diễn đạt ý nghĩa các câu đó bằng các câu phủ định tương ứng.

- Ai lại bán vườn đi mà cưới vợ? [...] (Nam Cao)
- Và lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? (Nam Cao)

Bài 4: Xét theo mục đích nói thì các câu sau (trích *Chiều dòi đò*) thuộc kiểu câu nào? Nêu chức năng và tác dụng của các kiểu câu đó trong nghệ thuật lập luận của tác giả.

- a. Trầm rất đau xót về việc đó, không thể không dòi dòi.
- b. Trầm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. (1) Các Khanh nghĩ thế nào? (2)

Bài 5: Vẽ lại sơ đồ tư duy bài học để củng cố kiến thức văn bản *Chiều dòi đò* (có thể theo gợi ý sau)



Bài 6: Vì sao có thể nói *Chiếu dời đô* là sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình?

Bài 7: Hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phép lập luận diễn dịch để chứng minh nhận định: *Chiếu dời đô* thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, sự anh minh sáng suốt của vua Lý Công Uẩn. Gạch chân dưới một câu trần thuật và một câu phủ định được sử dụng trong đoạn văn.

Bài 8: Qua văn bản *Chiếu dời đô*, em hiểu như thế nào về khát vọng và ý chí của dân tộc Đại Việt? Từ đó, em nhận thấy thế hệ học sinh ngày nay cần làm gì để xứng đáng với công lao và sự hi sinh của thế hệ cha ông?

Bài 9: Chương trình địa phương: Giới thiệu di tích, thắng cảnh địa phương (SGK/55)

